TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1177/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Năm**

2. Bà **Đỗ Trương Hồng Thảo**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Ngọc Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Kim Sinh** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 685/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1980; cư trú tại: 137/3A49 CXD, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1969; cư trú tại: 137/3A49 CXD, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn H chung sống có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến

năm 2011 do mâu thuẫn trầm trọng nên cả hai đã sống ly thân. Ông H và gia đình đã bán nhà bỏ đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì. Bà T đã nộp đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân Quận 8 giải quyết tuyên bố ông H mất tích tại Quyết định số 295/2018/VDS-ST ngày 23/5/2018. Nay, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H, đồng thời để bổ túc hồ sơ hành chính khi cần thiết nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Xuân Y, sinh ngày 16/10/2004, trẻ Yến hiện đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà T nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Bị đơn đã bị Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích tại Quyết định số 295/2018/VDS-ST ngày 23/5/2018 nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Tấn H có đăng ký kết hôn, bà T yêu cầu ly hôn với ông H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 8 (theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà T.

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Trích lục kết hôn số 466/TLKH-BS ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2011, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, ông H và gia đình bán nhà bỏ đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì, bà T cũng đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông H mất tích. Nay, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H, đồng thời để bổ túc hồ sơ hành chính khi cần thiết nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Tấn H đã bị Tòa án nhân dân Quận H tuyên bố mất tích tại Quyết định số 295/2018/VDS-ST ngày 23/5/2018. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn này Tòa án cũng đã tiến hành xác minh lại và làm thủ tục niêm yết triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, đến nay ông H không trở về địa phương và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không rõ lý do. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T cũng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

- Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Xuân Yến, sinh ngày 16/10/2004. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo bản khai ngày 09/8/2018, trẻ Yến trình bày cháu hiện sống cùng mẹ, đã rất lâu cháu không gặp cha, không được sự chăm sóc của cha và trẻ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng ông H không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà T. Do đó, việc giao trẻ Yến cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống bà và ông H không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

(Trích lục kết hôn số 466/TLKH-BS ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Xuân Y, sinh ngày 16/10/2004 cho bà Nguyễn Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H đến khi bà T có yêu cầu.

Ông Nguyễn Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Hồng T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014918 ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Tấn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND P.M, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga